

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2017/HSST
Ngày 19 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vũ Thị Kim Dung

- Ông Bùi Thanh Bình

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thao – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2017/HSST ngày 23/6/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2017/QĐXX ngày 06 tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Không; bố đẻ Nguyễn Văn Nh, mẹ đẻ Phạm Thị Tr; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 24/2017/HSST ngày 30/3/2017, Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (hành vi phạm tội xảy ra ngày 22/12/2016). Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù theo Bản án số Hình sự sơ thẩm 24/2017/HSST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc từ ngày bắt tạm giam 24/12/2016, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người bị hại:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1990; trú tại: Tổ dân phố H, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1981; trú tại: số nhà 231 đường ML, khu HC6, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Văn T là bạn bè với anh Nguyễn Văn Tr và anh trai Tr là anh Nguyễn Văn H, đều ở tổ dân phố H thuộc phường K, thành phố V. Chiều ngày 17/12/2016, T đến nhà anh H chơi và ngủ tại đây qua đêm.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/12/2016, anh H gọi điện cho anh Phùng Văn D, sinh năm 1982, ở tổ dân phố H, phường K, thành phố V hẹn đến nhà anh D để chơi gà. Sau khi gọi điện cho anh D, anh H giao chìa khóa cùng xe máy BKS 88B1 – 188.53 cho T nhờ T chở đến nhà anh D. Sau đó, T chở anh H đến nhà anh D, T dựng xe máy BKS 88B1 – 188.53 ở ngoài cổng rồi cùng anh H đi vào nhà anh D, lúc này T vẫn cầm chìa khóa xe máy. Khi anh H và anh D đem gà ra chơi, T cũng vào xem. T khai nhận: xem chơi gà được khoảng 10 phút, T nói với anh H là T mượn xe máy BKS 88B1 – 188.53 về nhà anh H tắm một lúc rồi quay lại đón, anh H đồng ý. Sau đó, T đi chiếc xe máy trên về nhà anh H tắm. Sau khi tắm xong, T nảy sinh ý định đem chiếc xe máy BKS 88B1 – 188.53 đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. T điều khiển xe máy đến cửa hàng cầm đồ của anh Vũ Ngọc C để cầm cố. Đến cửa hàng không thấy anh C ở đó nên T gọi điện thoại cho anh C. Một lúc sau, anh C về, T đặt vấn đề vay tiền và để lại chiếc xe máy BKS 88B1 – 188.53, anh C hỏi về nguồn gốc xe máy thì T bảo chiếc xe máy trên là của T mua trả góp nên không có giấy tờ. Tin tưởng T nên anh C đồng ý cho T vay 4.000.000đ trong thời gian 10 ngày và giữ lại chiếc xe máy BKS 88B1 – 188.53 (trước đó, T đã cầm cố tài sản tại cửa hàng cầm đồ của anh C nên giữa anh C và T không làm giấy tờ gì, cũng không thỏa thuận lãi suất vay). Sau khi có được 4.000.000đ, T đi xuống thị xã Phúc Yên tiêu xài hết số tiền trên. Do không có tiền và không có khả năng chuộc lại xe máy trả cho anh H, T tắt máy điện thoại nhằm mục đích trốn tránh anh H. Ngày 19/12/2016, T nhắn tin cho anh Tr về việc T cầm cố chiếc xe máy BKS 88B1 – 188.53 tại cửa hàng cầm đồ của anh C, T cho anh Tr số điện thoại của anh C để anh Tr đi chuộc xe.

Ngày 22/12/2016, anh Vũ Ngọc C đã giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe máy BKS 88B1 – 188.53, 01 bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, chủ hộ Vũ Ngọc Đ, 01 bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT, đứng tên Vũ Ngọc Đ, 01 bản photo hợp đồng ủy quyền, bên ủy quyền Vũ Ngọc Đ, bên được ủy quyền Vũ Ngọc C.

Tại Kết luận định giá số 03/KL-HĐĐG ngày 16/01/2017, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố V kết luận: Giá trị của 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen – bạc, BKS 88B1 – 188.53, xe đã cũ, đã qua sử dụng là 12.000.000đ.

Tại Cáo trạng số: 71/KSĐT - KT ngày 23 tháng 6 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Người bị hại anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra khai: Ngày 18/12/2016, Nguyễn Văn T lợi dụng việc được anh tin tưởng giao xe máy BKS 88B1 – 188.53 và chìa khóa xe máy, T đã chiếm đoạt chiếc xe máy trên của anh (xe anh mượn của anh Tr), đem đi cấm cho người khác. Ngày 20/4/2017, Công an thành phố V đã trả lại anh Tr chiếc xe máy trên có sự chứng kiến của anh. Anh không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật (từ bút lục số 44 đến bút lục số 56).

Người có quyền lợi liên quan, anh Nguyễn Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra khai: Chiếc xe máy BKS 88B1 – 188.53 là xe của anh, anh cho anh H mượn và bị T chiếm đoạt. Ngày 20/4/2017, Công an thành phố V đã trả lại chiếc xe trên cho anh, anh đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự (từ bút lục số 70 đến bút lục số 77).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Vũ Ngọc C trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt và quá trình điều tra khai: Ngày 18/12/2016, anh nhận cầm cố chiếc xe máy BKS 88B1 – 188.53 của T, anh không biết chiếc xe máy trên do T phạm tội mà có; đối với số tiền 4.000.000đ anh đưa cho T khi anh nhận cầm cố chiếc xe máy BKS 88B1 – 188.53, anh không yêu cầu T phải trả lại anh số tiền trên (từ bút lục số 57 đến bút lục số 69).

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 15 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2017/HSST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 30 tháng tù đến 33 tháng tù; đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, truy thu của T 4.000.000đ sung quỹ Nhà nước và xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy cho người bị hại là hợp pháp.

Bị cáo T không bào chữa và tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra; phù hợp với vật chứng, với kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 10 giờ 30 phút ngày 18/12/2016, tại nhà anh Nguyễn Văn H, ở tổ dân phố H, phường K, thành phố V, lợi dụng việc được anh H tin tưởng giao xe máy BKS 88B1 – 188.53 và chìa khóa xe máy cho mình, Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt chiếc xe máy trên của anh H, đem đi cầm cố cho anh Vũ Ngọc C được 4.000.000đ rồi tiêu xài hết số tiền trên và không có khả năng trả lại xe máy cho anh H. Kết luận định giá tài sản xác định: Trị giá chiếc xe máy BKS 88B1 – 188.53 là 12.000.000đ.

Trong vụ án này, vì động cơ tư lợi, lợi dụng việc anh H tin tưởng giao xe máy BKS 88B1 – 188.53, chìa khóa xe máy cho mình quản lý, bị cáo Nguyễn Văn T đã sử dụng vào mục đích trái pháp luật, tự ý đem chiếc xe máy này đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân và không có khả năng trả lại tài sản cho anh H. Hành vi nêu trên của bị cáo T đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự. Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định cụ thể như sau:

"1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm

a,...

b,... mượn... nhận được tài sản của người khác ...đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo T tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu khó lao động, rèn luyện bản thân. Ngay sau khi thực hiện hành vi phạm tội ở thành phố Vĩnh Yên, bị cáo T xuống thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tiêu xài hết số tiền cầm cố xe máy và T lại thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có trị giá 20.700.000đ vào ngày 22/12/2016. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2017/HSST ngày 30/3/2017, Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xử phạt T 15 tháng tù (01 năm 03 tháng tù) về tội “Trộm cắp tài sản”. Trong vụ án này, bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 18/12/2016, là trước ngày bị cáo T thực hiện trộm cắp tài sản ở thị xã Phúc Yên (ngày 22/12/2016), và bị Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử (ngày 30/3/2017); theo tại khoản 1 Điều 49 Bộ

luật Hình sự quy định “Tái phạm là T hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý...”. Do vậy, xác định bị cáo T không có tiền án, tuy nhiên điều đó thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, cần phải xử phạt mức hình phạt nghiêm minh. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù nghiêm khắc như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo Biên bản xác minh ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Công an thành phố V tại nơi cư trú của T và lời khai của bố, mẹ T xác định: T là đối tượng không có nghề nghiệp, thường xuyên không có mặt tại địa phương và không có tài sản gì, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Đối với Vũ Ngọc C là người nhận cầm cố chiếc xe máy mà T chiếm đoạt. Quá trình điều tra xác định anh C không biết tài sản đó là do T phạm tội mà có, do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là có căn cứ.

- Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với chiếc xe máy BKS 88B1 – 188.53, quá trình điều tra xác định: Chiếc xe máy trên đăng ký mang tên Nguyễn Văn Tr, anh Tr là chủ sở hữu. Ngày 16/12/2016, anh Tr cho anh Nguyễn Văn H mượn xe để sử dụng và bị T chiếm đoạt, do vậy, ngày 20/4/2017, Công an thành phố Vĩnh Yên đã trả lại anh Tr chiếc xe máy trên có sự chứng kiến của anh H là có căn cứ, theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự. Anh Tr đã nhận lại chiếc xe máy trên và không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại T sử dụng để liên lạc với anh C để cầm cố xe máy và nhắn tin cho anh Tr, quá trình điều tra T khai: Chiếc điện thoại trên nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, ngày 20/12/2016, T đã bán chiếc điện thoại trên cho một nam giới không rõ tên tuổi, địa chỉ, do vậy, Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc điện thoại trên để xử lý trong vụ án.

Đối với 01 bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, chủ hộ Vũ Ngọc Đ, 01 bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT, đứng tên Vũ Ngọc Đ, 01 bản photo hợp đồng ủy quyền, bên ủy quyền Vũ Ngọc Đ, bên được ủy quyền Vũ Ngọc C do anh Vũ Ngọc C giao nộp, được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 4.000.000đ anh Vũ Ngọc C đưa cho T khi nhận cầm cố chiếc xe máy BKS 88B1 – 188.53, do T đã tiêu xài cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Quá trình điều tra và trong đơn đề nghị xét xử vắng

mặt, anh C tự nguyện không yêu cầu T phải trả lại anh số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét đề buộc bị cáo phải bồi thường cho anh C.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù của bản án số 24/2017/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, buộc Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam của bản án số 24/2017/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, ngày 24/12/2016.

- Áp dụng: Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKS nhân dân thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam C.A tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục T.H.A dân sự thành phố Vĩnh Yên;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Mạnh

